

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN
SÀI GÒN**

**Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	6 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12 - 30

0448
CÔNG
CH NHIỆM
KIỂM T
C VIỆT
TP. HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN
9 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị hân hạnh trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cổ phần Vận tải biển Sài Gòn cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012.

1. Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần Vận tải biển Sài Gòn ("Công ty") là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước – Công ty Vận tải biển Sài Gòn theo Quyết định số 6205/QĐ-UB ngày 9 tháng 12 năm 2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103004628 (số hiện nay là 0300424088) ngày 14 tháng 4 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi từ lần thứ 1 đến lần thứ 7 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh, tăng vốn điều lệ và thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Trụ sở hoạt động của Công ty được đặt tại số 9 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty có 3 chi nhánh trực thuộc:

- Chi nhánh Hải Phòng, số 57 Đinh Tiên Hoàng, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.
- Chi nhánh Cần Thơ, số 512/35 Cách Mạng tháng 8, phường An Thới, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.
- Chi nhánh Quy Nhơn, số 45 Tôn Đức Thắng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Thuận.

Trong năm tài chính 2012, hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường biển trong và ngoài nước;
- Đại lý và môi giới hàng hải cho các tàu trong và ngoài nước;
- Giao nhận hàng hóa trong nước và quốc tế;
- Dịch vụ cung ứng tàu biển;
- Kinh doanh khai thác bãi container, kho chứa hàng trung chuyển;
- Kinh doanh và dịch vụ vận tải thủy nội địa;
- Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô, bằng đường sắt;
- Cho thuê văn phòng.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên thị trường Upcom tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là SGS và ngày giao dịch đầu tiên là ngày 22 tháng 10 năm 2010.

2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm tài chính này và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Việt Triều	Chủ tịch
Ông Henrik N.Andersen	Phó Chủ tịch
Ông Đỗ Ngọc Lâm	Thành viên
Ông Đỗ Doãn Thành Công	Thành viên
Ông Hasse Kjaersgaard Larsen	Thành viên

Ban kiểm soát

Ông Phạm Hoàng Hiệp	Trưởng ban
Bà Võ Ngọc Thủy	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Kim Chuyên	Thành viên



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đỗ Ngọc Lâm
Ông Nguyễn Quang Việt
Ông Lê Minh

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm từ ngày 01/03/2012)
Phó Tổng Giám đốc

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc vào cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN TÀI BIÊN SÀI GÒN
9 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

7. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bảng thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Ông ĐỖ VIỆT TRIỀU
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2013

0300
CÔ
TRÁCH N
KIẾP
AFC V
Y - TP



Số: 40/2013/BCKT-HCM.00407

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 của
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày của Công ty Cổ phần Vận tải biển Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25 tháng 3 năm 2013 và được trình bày từ trang 6 đến trang 30 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này là thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc kế toán và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng quát Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo thông báo số 300/SSC-TBi ngày 31 tháng 10 năm 2012, Công ty cổ phần Vận Tải Biển Sài Gòn tuyên bố tàu Sài Gòn Queen đã bị chìm tại khu vực phía Đông của Sri Lanka lúc 10 giờ 30 (giờ địa phương) ngày 30 tháng 10 năm 2012, đồng thời tuyên bố tổn thất toàn bộ đối với tàu Saigon Queen kể từ ngày 31 tháng 10 năm 2012 và chuyển giao quyền cho Công ty Bảo Việt Sài Gòn xử lý theo hợp đồng bảo hiểm.

Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, sự cố trên vẫn chưa có kết luận chính thức từ các cơ quan chức năng và Công ty Bảo Việt Sài Gòn. Do đó số tiền bảo hiểm thân tàu theo hợp đồng bảo hiểm có giá trị là 4.200.000 USD chưa được Công ty Bảo Việt Sài Gòn xem xét bồi thường. Đồng thời Công ty vẫn chưa ghi nhận tổn thất tàu Saigon Queen với giá trị còn lại và một số chi phí khác ước tính là 78.192.876.859 VND.

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu trên đến Báo cáo tài chính (nếu có), xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đính kèm theo đây, đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc vào cùng ngày của Công ty cổ phần Vận tải biển Sài Gòn, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

1489

NG T
KIỂM H
TOÁN
VIỆT N.
HỒ G

BÁO CÁO KIỂM TOÁN (tiếp theo)

Ngoài ra, chúng tôi muốn lưu ý người đọc Báo cáo tài chính các vấn đề như sau:

1. Nghị quyết Hội đồng quản trị ngày 5 tháng 7 năm 2007 đã thông qua việc Công ty sẽ chịu một phần trách nhiệm trong việc thanh toán các khoản nợ của Công ty liên doanh Vận tải thủy Sea Saigon khi tiến hành giải thể Công ty này. Theo đó, Công ty cổ phần Vận tải biển Sài Gòn sẽ chịu trách nhiệm thanh toán các khoản thuế nhà thầu và thuế giá trị gia tăng của Công ty liên doanh Vận tải thủy Sea Saigon phát sinh trong giai đoạn từ năm 2003 đến năm 2006 theo tỷ lệ góp vốn là 51%, tương ứng với số tiền là 1.178.668.079 VND (theo quyết định số 89/CT-KTNB ngày 4 tháng 7 năm 2011 của Cục thuế thành phố Hồ Chí Minh). Nếu ghi nhận khoản thuế phải nộp này vào sổ sách, lỗ lũy kế của Công ty sẽ tăng lên một khoản tương ứng.
2. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có khoản nợ phải trả ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn 49.324.398.821 VND. Điều này có thể dẫn đến Công ty gặp khó khăn khi thanh toán các khoản nợ đến hạn.



ĐẶNG THỊ MỸ VÂN
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ KTV số 0173/KTV

TRƯƠNG THỊ HƯƠNG
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số 1042/KTV

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN

9 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		22.386.478.950	22.465.982.904
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	960.419.732	2.368.388.143
Tiền	111		960.419.732	2.368.388.143
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
Dự phòng giảm giá CK đầu tư ngắn hạn	129		-	-
Các khoản phải thu	130		10.331.111.642	9.267.874.817
Phải thu khách hàng	131	4.2	8.175.993.189	7.772.285.446
Trả trước cho người bán	132	4.3	1.002.044.034	588.493.203
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		24.671.000	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Các khoản phải thu khác	135	4.4	8.584.744.523	8.363.437.272
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(7.456.341.104)	(7.456.341.104)
Hàng tồn kho	140	4.5	2.233.182.326	5.218.973.420
Hàng tồn kho	141		2.233.182.326	5.218.973.420
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		8.861.765.250	5.610.746.524
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.6	7.618.555.183	4.843.480.681
Thuế GTGT được khấu trừ	152		159.393.609	27.697.128
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		30.976.076	30.976.076
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	158	4.7	1.052.840.382	708.592.639

H. N. H. H.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN TÀI BIÊN SÀI GÒN

9 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		368.782.306.601	381.446.307.686
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
Phải thu dài hạn khác	218		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		292.389.039.966	308.392.784.715
Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	268.163.142.439	284.764.055.118
Nguyên giá	222		361.812.400.038	361.773.400.038
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(93.649.257.599)	(77.009.344.920)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	4.9	2.518.866.421	2.625.710.824
Nguyên giá	228		4.555.263.076	4.555.263.076
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.036.396.655)	(1.929.552.252)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	4.10	21.707.031.106	21.003.018.773
Bất động sản đầu tư	240	4.11	12.763.175.088	14.076.432.804
Nguyên giá	241		26.962.855.342	26.962.855.342
Giá trị hao mòn lũy kế	242		(14.199.680.254)	(12.886.422.538)
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		63.587.591.547	58.934.590.167
Đầu tư vào công ty con	251	4.12	9.050.000.000	9.050.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	4.13	68.359.154.439	63.360.434.439
Đầu tư dài hạn khác	258	4.14	6.000.000.000	6.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259	4.15	(19.821.562.892)	(19.475.844.272)
Tài sản dài hạn khác	260		42.500.000	42.500.000
Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		42.500.000	42.500.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		391.168.785.551	403.912.290.590



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIÊN SÀI GÒN

9 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		277.718.715.022	274.943.705.368
Nợ ngắn hạn	310		71.710.877.771	67.318.854.012
Vay và nợ ngắn hạn	311	4.16	17.499.360.000	22.700.624.000
Phải trả cho người bán	312	4.17	21.609.640.655	18.700.553.159
Người mua trả tiền trước	313	4.18	526.677.398	5.129.934.429
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	4.19	549.995.381	977.801.500
Phải trả công nhân viên	315		470.031.384	844.254.960
Chi phí phải trả	316	4.20	15.996.519.189	4.496.411.764
Phải trả nội bộ	317		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	4.21	15.058.653.764	14.469.274.200
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
Nợ dài hạn	330		206.007.837.251	207.624.851.356
Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
Phải trả dài hạn khác	333		-	-
Vay và nợ dài hạn	334	4.22	197.879.846.188	201.548.189.688
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	4.23	8.127.991.063	6.076.661.668
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	339		-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		113.450.070.529	128.968.585.222
Vốn chủ sở hữu	410	4.24	113.450.070.529	128.968.585.222
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		144.200.000.000	144.200.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		11.436.551.000	11.436.551.000
Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
Cổ phiếu quỹ	414		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		13.590.599.950	13.590.599.950
Quỹ dự phòng tài chính	418		1.309.606.047	1.309.606.047
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	420		(57.086.686.468)	(41.568.171.775)
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	432		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		391.168.785.551	403.912.290.590

CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN TÀI BIÊN SÀI GÒN

9 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
Tài sản thuê ngoài		-	-
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)		16.129.905.471	16.129.905.471
Ngoại tệ các loại (USD)		3.906,95	4.785,32
Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-



NGÔ HỒNG VÂN

Phó phòng Tài chính Đầu tư



ĐỖ NGỌC LÂM

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2013

4899
CÔNG TY
KIỂM HỨNG
TOÁN
TÀI NẠI
HỒ CH

CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN TÀI BIÊN SÀI GÒN

9 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		157.856.862.267	146.207.671.851
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần	10	5.1	157.856.862.267	146.207.671.851
Giá vốn hàng bán	11	5.2	156.662.482.880	138.131.166.056
Lợi nhuận gộp	20		1.194.379.387	8.076.505.795
Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	10.260.312.833	6.773.158.622
Chi phí tài chính	22	5.4	17.214.452.570	33.728.991.972
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		16.664.209.610	15.718.771.480
Chi phí bán hàng	24		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.5	6.901.134.099	6.829.384.953
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		(12.660.894.449)	(25.708.712.508)
Thu nhập khác	31	5.6	313.512.061	918.259.379
Chi phí khác	32	5.7	645.802.910	1.086.218.571
Lợi nhuận khác	40		(332.290.849)	(167.959.192)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(12.993.185.298)	(25.876.671.700)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		2.051.329.395	2.051.329.395
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(15.044.514.693)	(27.928.001.095)



NGÔ HỒNG VÂN
Phó phòng Tài chính Đầu tư



ĐỖ NGỌC LAM
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN TÀI BIÊN SÀI GÒN

9 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Mã số	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	(12.993.185.298)	(25.876.671.700)
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	18.060.014.798	18.633.272.396
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03	345.718.620	491.909.503
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	86.484.790	16.889.222.089
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(10.091.644.206)	(6.881.147.242)
Chi phí lãi vay	06	16.664.209.610	15.718.771.480
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08	12.071.598.314	18.975.356.526
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(1.193.996.476)	705.556.599
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	2.985.791.094	734.866.389
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	(1.232.253.194)	(3.685.684.090)
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	(2.512.772.523)	(1.450.640.440)
Tiền lãi vay đã trả	13	(6.383.936.251)	(12.991.566.226)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(606.549.722)	(262.608.517)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	3.127.881.242	2.025.280.241
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(743.012.333)	(59.062.676)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	2.400.000	667.363.092
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(4.998.720.000)	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	10.089.244.206	6.013.784.150
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	4.349.911.873	6.622.084.566
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	3.749.500.000	3.666.240.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(12.635.267.500)	(16.107.860.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(8.885.767.500)	(12.441.620.000)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	(1.407.974.385)	(3.794.255.193)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60	2.368.388.143	6.156.051.911
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	5.974	6.591.425
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	960.419.732	2.368.388.143

NGÔ HỒNG VÂN

Phó phòng Tài chính Đầu tư

ĐỖ NGỌC LÂM

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2013



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Công ty cổ phần Vận tải biển Sài Gòn ("Công ty") là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước – Công ty Vận tải biển Sài Gòn theo Quyết định số 6205/QĐ-UB ngày 9 tháng 12 năm 2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103004628 (số hiện nay là 0300424088) ngày 14 tháng 4 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi từ lần thứ 1 đến lần thứ 7 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh, tăng vốn điều lệ và thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Trụ sở hoạt động của Công ty được đặt tại số 9 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Các chi nhánh trực thuộc:

- Chi nhánh Hải Phòng, số 57 Đinh Tiên Hoàng, thành phố Hải Phòng.
- Chi nhánh Cần Thơ, số 512/35 Cách Mạng tháng 8, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.
- Chi nhánh Quy Nhơn, số 45 Tôn Đức Thắng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Thuận.

Trong năm tài chính 2012, hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường biển trong và ngoài nước;
- Đại lý và môi giới hàng hải cho các tàu trong và ngoài nước;
- Giao nhận hàng hóa trong nước và quốc tế;
- Dịch vụ cung ứng tàu biển;
- Kinh doanh khai thác bãi container, kho chứa hàng trung chuyển;
- Kinh doanh và dịch vụ vận tải thủy nội địa;
- Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô, bằng đường sắt;
- Cho thuê văn phòng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, tổng số nhân viên của Công ty là 103 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 133 người), trong đó số nhân viên quản lý là 05 người.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên thị trường Upcom tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là SGS và ngày giao dịch đầu tiên là ngày 22 tháng 10 năm 2010.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính được trình bày bằng đồng Việt Nam, được lập theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc. Các chính sách kế toán được Công ty áp dụng nhất quán và phù hợp với các chính sách kế toán đã được sử dụng trong những năm trước.

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Trong kỳ, các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Vào thời điểm cuối kỳ tài chính, các tài sản bằng tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tại ngày lập bảng cân đối kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch đánh giá lại được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán.

3.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính.

Hàng tồn kho được ghi nhận theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá xuất kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời,...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của kỳ hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc thiết bị	7 - 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 25 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5 năm

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao trong 50 năm.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là bộ phận gắn với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

3.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Quyền sử dụng đất	50 năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50 năm

3.8 Xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là chi phí xây dựng các công trình chưa hoàn thành và không trích khấu hao trong suốt giai đoạn đầu tư xây dựng dở dang.

3.9 Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận khi Công ty nắm quyền kiểm soát trên phương diện tài chính cũng như chính sách hoạt động, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết đối với công ty này.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Trong báo cáo tài chính riêng của Công ty, khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư dài hạn khác được thể hiện theo giá gốc trừ đi khoản lỗ do tổn thất.

3.10 Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định không đủ điều kiện ghi tăng nguyên giá tài sản cố định. Các chi phí này được phân bổ không quá 3 năm.

3.11 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

3.12 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

3.13 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu là vốn góp của các cổ đông và được ghi nhận theo mệnh giá.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận khi phát sinh chênh lệch tăng/ (giảm) do phát hành cổ phiếu cao/(thấp) hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

3.14 Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

3.15 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.



3.16 Thông tin bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Thông tin bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh và được trình bày tại thuyết minh 5.1 và 5.2.

3.17 Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

Các công ty sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty	Địa điểm	Quan hệ
Tổng Công ty Cơ khí giao thông vận tải Sài Gòn	Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Saigonship Đà Nẵng	Việt Nam	Công ty con
Công ty Liên doanh Vận tải thủy Sea Saigon	Việt Nam	Công ty liên doanh
Công ty Liên doanh Giao nhận kho vận Bình Minh	Việt Nam	Công ty liên doanh
Công ty Liên doanh APM-Saigon shipping Company Ltd.	Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty TNHH Korea Express Logistics	Việt Nam	Công ty liên kết

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIÊN SÀI GÒN
 9 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Tiền mặt tồn quỹ - VND	54.484.578	101.158.603
Tiền gửi ngân hàng - VND	824.522.138	2.167.557.611
Tiền gửi ngân hàng - USD	81.413.016	99.671.929
	960.419.732	2.368.388.143

4.2 Các khoản phải thu thương mại

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Công ty TNHH Korea Express Logistics	838.653.967	60.173.933
Công ty CP Thủy Sản Việt Thắng	72.466.498	99.000.000
Công ty TNHH Đại lý và môi giới vận tải Quốc Tế	-	579.996.403
Công ty TNHH Quang Thuận	808.000.000	808.000.000
Chi nhánh công ty CP Kho vận Giao nhận Ngoại Thương TPHCM tại Hà Nội	1.396.421.867	-
Công ty TNHH Vận tải Hà Việt	182.017.034	227.935.677
Công ty TNHH Hiệp Lợi Khang	61.600.000	69.300.000
Công ty TNHH Vận tải KAS Hà Nội	327.970.472	222.932.512
Cty TNHH GN Hoa San Vina tại Hà Nội	200.625.783	-
Công ty CP Que Hàn Điện Hà Việt	28.395.880	13.241.534
T.K.B Shipping A/S	-	321.069.868
Flogis International Corp	-	2.344.303.246
Công ty TNHH MTV Đồng Nước Vàng	-	176.800.000
Công ty TNHH Maersk Việt Nam	1.472.372.872	1.435.624.365
Tổng công ty SAMCO	322.209.566	84.753.690
Maraqva Shipping Pvt Ltd	264.468.529	-
Công ty TNHH Minh Hiền	249.882.000	-
Công ty TNHH DV Vận tải Bảo Bình Phát	215.197.600	-
DNTN Nhất Duy	170.816.931	85.565.523
Cty TNHH MTV Đầu tư Nhật Phương	170.452.000	-
Công ty TNHH Hàng Hải Biển Vàng	209.964.609	161.383.891
Cty TNHH DV VT TM Vũ Long	131.554.000	-
Cty TNHH Gimaex Việt Nam	49.543.520	-
Cty TNHH Hiệp Long	54.150.000	-
Cty TNHH TMDV XNK Long Tiến	68.100.000	-
CTy TNHH M.T.M	40.969.395	40.969.395
Cty TNHH PCF Việt Nam	72.900.000	-
Cty CP Sản xuất TMDV Saky	96.286.000	-
Cty TNHH TM VT Tín Đạt	32.822.906	71.000.000
Cty TNHH TPL	69.100.000	-
Cty LD GN KV Bình Minh	42.851.675	101.800.144
Cty TNHH Foco Việt Nam	53.125.714	-
Cty TNHH TM DV Vận tải An Hòa	52.819.902	88.257.260
Các khách hàng khác	420.254.469	780.178.005
	8.175.993.189	7.772.285.446

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

4.3 Trả trước cho người bán

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Indus Shipping Agency Pvt Ltd	121.797.000	-
Cty TNHH DV DL Hàng hải Thuận Phong	-	101.101.250
Cty TNHH TM-DV Sửa chữa tàu biển Viễn Hùng	117.000.000	147.066.000
Cty TNHH Dịch vụ Hàng Hải Nhật Quang	60.700.000	-
Cty TNHH Tuấn Nguyệt	90.000.000	90.000.00
Cty TNHH TM DV Cơ khí Hoàng Quân	62.000.000	-
Cty CP Công nghiệp tàu thủy Biển Việt	130.293.982	-
Cty TNHH TM DV Cơ khí Hoàng Quân	62.000.000	-
Cty TNHH MTV Đóng tàu và CNHH Sài Gòn	200.000.000	-
Cty TNHH Nam Biển Nam	55.000.000	33.400.000
Rajah & Tann LLP Clients	48.614.218	-
Các nhà cung cấp khác	54.638.834	250.325.953
	1.002.044.034	588.493.203

4.4 Các khoản phải thu khác

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Phải thu tiền bán cổ phần cho CBCNV	321.614.714	321.614.714
Công ty liên doanh Vận tải thủy Sea Saigon	5.849.054.747 (*)	5.849.054.747
Công nợ phải thu chờ xử lý	1.555.209.374 (*)	1.555.209.374
Phí chi hộ cho tàu	-	104.059.653
Lãi liên doanh phải thu	592.722.765	200.000.000
Phải thu khác	266.142.923	333.498.784
	8.584.744.523	8.363.437.272

(*) Công nợ đã được lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi.

4.5 Hàng tồn kho

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Nguyên vật liệu	32.907.729	40.435.230
Nhiên liệu	2.192.504.597	5.170.768.190
Công cụ, dụng cụ	7.770.000	7.770.000
	2.233.182.326	5.218.973.420

4.6 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Chi phí sửa chữa	1.735.174.152	4.491.845.087
Chi phí chờ kết chuyển tàu Saigon Queen	5.604.922.517 (**)	-
Khác	278.458.514	351.635.594
	7.618.555.183	4.843.480.681

(**) Chi phí chờ kết chuyển tàu Saigon Queen bao gồm:

Chi phí sửa chữa tàu Saigon Queen	2.515.061.762
Nhiên liệu còn lại trên tàu Saigon Queen	2.804.842.615
Tiền tạm ứng cho thuyền trưởng tàu Saigon Queen	285.018.140
	5.604.922.517

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN

9 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

4.7 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Tạm ứng	1.046.840.382	702.592.639
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	6.000.000	6.000.000
	<u>1.052.840.382</u>	<u>708.592.639</u>

4.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Vào ngày 01/01/2012	13.668.613.442	1.589.408.538	345.574.137.491	941.240.567	361.773.400.038
Tăng trong năm	-	-	-	39.000.000	39.000.000
Phân loại lại (*)	(690.373.617)	690.373.617	(27.660.000)	27.660.000	-
Vào ngày 31/12/2012	<u>12.978.239.825</u>	<u>2.279.782.155</u>	<u>345.546.477.491</u>	<u>1.007.900.567</u>	<u>361.812.400.038</u>
Giá trị hao mòn lũy kế					
Vào ngày 01/01/2012	7.341.271.540	1.194.260.774	67.601.796.173	872.016.433	77.009.344.920
Khấu hao trong năm	948.658.224	232.107.216	15.375.944.459	83.202.780	16.639.912.679
Phân loại lại	(291.722.346)	294.722.358	(9.474.849)	6.474.837	-
Vào ngày 31/12/2012	<u>7.998.207.418</u>	<u>1.721.090.348</u>	<u>82.968.265.783</u>	<u>961.694.050</u>	<u>93.649.257.599</u>
Giá trị còn lại					
Vào ngày 01/01/2012	6.327.341.902	395.147.764	277.972.341.318	69.224.134	284.764.055.118
Vào ngày 31/12/2012	<u>4.980.032.407</u>	<u>558.691.807</u>	<u>262.578.211.708 (**)</u>	<u>46.206.517</u>	<u>268.163.142.439</u>

(*) Tài sản cố định được phân loại lại trong kỳ chủ yếu là hệ thống chữa cháy.

(**) Tàu Sài Gòn Queen và tàu Sài Gòn Princess đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Sở Giao dịch II- Ngân hàng Phát triển Việt Nam và Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 20 tháng 4 năm 2011 và Nghị quyết số 10/NQ-HĐQT-SSC ngày 28 tháng 11 năm 2011 của Hội đồng quản trị, đã thông qua phương án bán hai tàu biển (Sài Gòn Queen 6500 DWT và Sài Gòn Princess 6800 DWT) và hai tàu sông (tàu Long Phú 1 và Long Phú 2).

Theo thông báo số 300/SSC-TBi ngày 31 tháng 10 năm 2012, Công ty cổ phần Vận Tải Biển Sài Gòn tuyên bố tàu Sài Gòn Queen đã bị chìm tại khu vực phía Đông của Sri Lanka lúc 10 giờ 30 (địa phương) ngày 30 tháng 10 năm 2012, đồng thời tuyên bố tổn thất toàn bộ đối với tàu Saigon Queen kể từ ngày 31 tháng 10 năm 2012 và chuyển giao quyền cho Công ty Bảo Việt Sài Gòn xử lý theo hợp đồng bảo hiểm.

Tổng số tiền bảo hiểm theo đơn bảo hiểm thân tàu số HCM.D40.TB.12.HD ngày 27 tháng 12 năm 2011 của Hợp đồng bảo hiểm tàu biển số 40.0310.009/HĐ/BHTB.2005 ngày 16 tháng 12 năm 2005 là 4.200.000 USD.

Tuy nhiên theo thực tế đến ngày 31 tháng 12 năm 2012 vẫn chưa có kết luận chính thức từ cơ quan chức năng là Cục Hàng Hải Việt Nam và Công ty bảo hiểm là Công ty Bảo Việt Sài Gòn nên Công ty vẫn chưa ghi nhận tổn thất tàu Saigon Queen với giá trị còn lại và một số chi phí khác ước tính là 78.192.876.859 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN
 9 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Giá trị còn lại của các tài sản này tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

Tên tài sản	Nguyên giá (VND)	Thời gian sử dụng hữu ích ước tính	Khấu hao lũy kế (VND)	Giá trị còn lại (VND)
Tàu Sài Gòn Queen	116.777.196.770	21 năm	44.189.242.428	72.587.954.342
Tàu Sài Gòn Princess	204.217.835.623	25 năm	25.173.319.670	179.044.515.953
Tàu Long Phú 1	7.304.746.282	15 năm	2.461.172.027	4.843.574.255
Tàu Long Phú 2	7.295.598.379	15 năm	2.454.599.555	4.840.998.824

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 8.332.635.132 VND.

4.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Vào ngày 01/01/2012	4.417.020.968	138.242.108	4.555.263.076
Tăng trong năm	-	-	-
Vào ngày 31/12/2012	4.417.020.968	138.242.108	4.555.263.076
Giá trị hao mòn lũy kế			
Vào ngày 01/01/2012	1.805.489.767	124.062.485	1.929.552.252
Khấu hao trong năm	92.664.780	14.179.623	106.844.403
Vào ngày 31/12/2012	1.898.154.547	138.242.108	2.036.396.655
Giá trị còn lại			
Vào ngày 01/01/2012	2.611.531.201	14.179.623	2.625.710.824
Vào ngày 31/12/2012	2.518.866.421	-	2.518.866.421

4.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu kỳ VND	Tăng trong kỳ VND	Kết chuyển TSCĐ trong kỳ VND	Số cuối kỳ VND
Công trình mở rộng trung tâm kho vận	7.484.946.510	290.304.000	-	7.775.250.511
Công trình đóng mới 2 tàu sông	13.518.072.263	413.708.333	-	13.931.780.595
	21.003.018.773	704.012.333	-	21.707.031.106

Riêng công trình đóng mới 2 tàu sông, Công ty đã không tiếp tục đầu tư như dự kiến ban đầu, chi tiết chi phí đã phát sinh cho dự án này như sau:

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Thiết kế, lập hồ sơ mời thầu	333.401.819	333.401.819
Chi phí mua 2 máy chính YANMAR 600 HP	11.412.518.778	11.412.518.778
Chi phí lãi vay	2.185.859.998	1.772.151.666
	13.931.780.595	13.518.072.263

Theo Nghị quyết số 09/NQ-HĐQT-SSC ngày 28 tháng 11 năm 2011 của Hội đồng Quản trị, Công ty đã thống nhất bán 2 máy chính YANMAR 600 HP. Đồng thời theo biên bản họp Hội đồng Quản trị ngày 21 tháng 11 năm 2012, Công ty đã thống nhất cầm cố 2 bộ máy YANMAR 600 HP để giãn nợ 10 tỷ đồng đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 cho Công ty TNHH MTV Ba Sơn (xem 4.17).

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIÊN SÀI GÒN
 9 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

4.11 Bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa, vật kiến trúc	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Vào ngày 01/01/2012	8.992.704.000	17.970.151.342	26.962.855.342
Tăng trong năm	-	-	-
Vào ngày 31/12/2012	8.992.704.000	17.970.151.342	26.962.855.342
Giá trị hao mòn lũy kế			
Vào ngày 01/01/2012	3.376.975.270	9.509.447.268	12.886.422.538
Khấu hao trong năm	194.681.976	1.118.575.740	1.313.257.716
Vào ngày 31/12/2012	3.571.657.246	10.628.023.008	14.199.680.254
Giá trị còn lại			
Vào ngày 01/01/2012	5.615.728.730	8.460.704.074	14.076.432.804
Vào ngày 31/12/2012	5.421.046.754	7.342.128.334	12.763.175.088

Nguyên giá Bất động sản đầu tư cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 637.015.000 VND.

4.12 Đầu tư vào công ty con

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Công ty cổ phần Saigonship Đà Nẵng	9.050.000.000	9.050.000.000
	9.050.000.000	9.050.000.000

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0401358956 ngày 21 tháng 5 năm 2010 do Sở Kế hoạch & đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp và đăng ký thay đổi ngày 3 tháng 11 năm 2010, vốn góp của Công ty trong Công ty cổ phần Saigonship Đà Nẵng là 9.000.000.000 VND, tương đương 56,13% vốn điều lệ. Vốn góp thực tế của Công ty đến ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 9.050.000.000 VND, tương đương 56,56% trên tổng vốn góp.

4.13 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

		31/12/2012	01/01/2012
		VND	VND
Công ty liên doanh vận tải thủy Sea Sài Gòn	(i)	18.983.934.769	18.983.934.769
Công ty TNHH APM-Saigon Shipping	(ii)	8.947.527.687	3.948.807.687
Công ty TNHH Korea Express Logistics	(iii)	6.827.691.983	6.827.691.983
Công ty TNHH liên doanh Giao nhận kho vận Bình Minh	(iv)	33.600.000.000	33.600.000.000
		68.359.154.439	63.360.434.439

(i) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 2310/GP ngày 11 tháng 2 năm 2003 do Bộ Kế hoạch và đầu tư cấp, vốn góp của Công ty trong Công ty liên doanh vận tải thủy Sea Sài Gòn là 1.224.000 USD, tương đương 51% vốn điều lệ. Công ty liên doanh vận tải thủy Sea Sài Gòn đang trong quá trình thanh lý giải thể.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 411022000296 ngày 8 tháng 8 năm 2008 do Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh cấp, vốn góp của Công ty trong Công ty TNHH APM-Saigon Shipping là 250.000 USD, tương đương 25% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ vốn theo Giấy chứng nhận đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIÊN SÀI GÒN
 9 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đến ngày 23 tháng 9 năm 2011, Giấy chứng nhận đầu tư số 411022000296 hết hạn. Theo Nghị định số 140/2007/NĐ-CP ngày 05/9/2007 của Chính phủ, Công ty phải nắm giữ ít nhất 49% vốn pháp định. Hai bên đối tác đã thống nhất lập hồ sơ xin gia hạn Liên doanh không dưới 05 năm, tăng vốn của Công ty lên 490.000 USD, tương đương 49% vốn điều lệ bằng tiền chia lãi năm 2011 của Liên doanh cho Công ty theo hợp đồng chuyển nhượng vốn ngày 23 tháng 9 năm 2011.

- (iii) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 411022000270 ngày 4 tháng 7 năm 2008 do Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh cấp và chứng nhận thay đổi lần thứ 1 ngày 9 tháng 2 năm 2011, vốn góp của Công ty trong Công ty TNHH Korea Express Logistics là 540.000 USD, tương đương 33,75% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ vốn theo Giấy chứng nhận đầu tư.

Theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ-2012 ngày 22 tháng 5 năm 2012 của Đại Hội Đồng Cổ Đông, Công ty đã thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị về thoái phần vốn góp 33,75% trong Công ty TNHH Korea Express Logistics. Tuy nhiên, đến ngày 31 tháng 12 năm 2012 Nghị quyết này vẫn chưa được thực hiện.

- (iv) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 411022000401 ngày 31 tháng 12 năm 2008 do Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh cấp và chứng nhận thay đổi lần thứ 1 ngày 30 tháng 6 năm 2009, vốn góp của Công ty trong Công ty TNHH liên doanh Giao nhận kho vận Bình Minh là 33.600.000.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ vốn theo Giấy chứng nhận đầu tư.

4.14 Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Công ty cổ phần Thương mại dịch vụ Quảng Trường Quốc Tế	6.000.000.000	6.000.000.000
	<u>6.000.000.000</u>	<u>6.000.000.000</u>

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0308976796 ngày 8 tháng 6 năm 2009 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và đăng ký thay đổi lần 2 ngày 18 tháng 3 năm 2011, vốn góp của Công ty trong Công ty cổ phần Thương mại dịch vụ Quảng Trường Quốc Tế là 12.000.000.000 VND, tương đương với 4% vốn điều lệ. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty đã góp được 6.000.000.000 VND.

4.15 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	Số đầu năm VND	Trích lập/(hoàn nhập) trong năm VND	Số cuối năm VND
Công ty liên doanh vận tải thủy Sea Sài Gòn (*)	18.983.934.769	-	18.983.934.769
Công ty cổ phần Saigonship Đà Nẵng (Công ty con)	491.909.503	345.718.620	837.628.123
	<u>19.475.844.272</u>	<u>-</u>	<u>19.821.562.892</u>

(*) Công ty lập dự phòng 100% cho khoản đầu tư vào Công ty liên doanh vận tải thủy Sea Sài Gòn do Công ty này đang trong quá trình thanh lý giải thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIÊN SÀI GÒN
 9 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

4.16 Vay và nợ ngắn hạn

		31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Vay ngắn hạn -VND	(a)	3.600.000.000	3.000.000.000
Vay ngắn hạn -USD		-	1.666.240.000
Vay dài hạn đến hạn trả -VND	(b)	11.400.000.000	9.120.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả -USD	(c)	2.499.360.000	8.914.384.000
		<u>17.499.360.000</u>	<u>22.700.624.000</u>

- (a) Đây là số dư khoản vay Tổng Công ty Cơ khí giao thông vận tải Sài Gòn với lãi suất 14% - 19%/năm. Khoản vay này được sử dụng cho dự án đóng mới 2 tàu sông (xem thuyết minh 4.10).
- (b) Khoản vay tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam- Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh 4.22a).
- (c) Khoản vay tại Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn (xem thuyết minh 4.22b).

4.17 Phải trả người bán

		31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Công ty TNHH MTV Ba Sơn (*)	(a)	10.000.000.000	10.000.000.000
MonJasa			2.444.252.028
Bridge Oil		2.349.418.812	-
Ocean Energy Ltd		1.087.900.383	-
Công ty TNHH MTV Công nghiệp tàu thủy Đông Nam Bộ (*)	(b)	875.000.000	1.000.000.000
Công ty TNHH Xuân Lâm		1.266.000.000	-
Công ty Castrol Việt Nam Ltd		614.916.835	407.938.217
Công ty CP ĐL Hàng hải Việt Nam tại Quảng Ninh		523.568.243	-
Công ty Bảo Việt Tp.HCM		356.733.118	-
Công ty Hoa tiêu khu vực II		356.318.340	354.232.214
Công ty TNHH TMDVKT hàng hải Hoàng Phát		267.839.000	-
Cảng vụ Đà Nẵng		267.307.386	250.431.539
Cty TNHH TM vận tải Tín Đạt		257.780.000	7.850.000
Công ty CP Bông Sen Vàng		388.147.461	212.371.000
Công ty CP Saigonship Đà Nẵng		229.770.378	36.103.690
Công ty TNHH MTV Vipco Hạ Long		-	618.469.970
Cảng vụ TP. HCM		197.072.457	24.484.147
Cảng vụ Hải Phòng		191.069.001	99.021.825
Công ty TNHH Vận tải Duy Chinh		192.105.000	112.710.000
Các nhà cung cấp khác		2.188.694.241	3.132.688.529
		<u>21.609.640.655</u>	<u>18.700.553.159</u>

(*) Các khoản nợ đã quá hạn thanh toán nhưng chưa thanh toán.

(a) Khoản nợ phải trả để đóng mới tàu Sài Gòn Princess.

(b) Khoản nợ phải trả để mua 2 máy chính YANMAR 600 HP cho dự án đóng mới 2 tàu sông (xem thuyết minh 4.10).

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN
 9 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

4.18	Người mua trả tiền trước	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
	Người mua trả trước cước vận chuyển	504.964.563	2.940.986.178
	Người mua trả trước phí thuê kho	-	2.028.089.010
	Các khách hàng khác	21.712.835	160.859.241
		526.677.398	5.129.934.429
4.19	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
	Thuế giá trị gia tăng đầu ra	51.611.667	384.884.393
	Thuế thu nhập cá nhân	91.541.005	133.315.288
	Thuế nhà thầu nộp hộ	406.842.709	459.601.819
		549.995.381	977.801.500
4.20	Chi phí phải trả	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
	Chi phí lãi vay	15.995.844.591	4.193.443.891
	Chi phí cho tàu	-	286.287.026
	Chi phí khác	674.598	16.680.847
		15.996.519.189	4.496.411.764
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, chi phí lãi vay phải trả có gốc ngoại tệ là 728.368,96 USD, tương đương 15.170.468.699 VND.			
4.21	Phải trả khác	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
	Kinh phí công đoàn	374.883.729	243.548.764
	Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	30.244.964	355.577.311
	Bảo hiểm thất nghiệp	27.087.197	
	Phải trả cổ phần hóa	3.197.058.734	3.197.058.734
	Cổ tức phải trả	5.122.519.940	5.129.173.740
	Công ty CP TMDV Quảng Trường Quốc Tế	5.200.000.000 (*)	5.200.000.000
	Nhận ký quỹ	177.395.400	177.395.400
	Chi nhánh Hải Phòng	642.170.000	-
	Công đoàn Công ty	116.249.964	-
	Các khoản phải trả khác	171.043.836	166.520.251
		15.058.653.764	14.469.274.200
(*) Đây là khoản hỗ trợ vốn có hoàn lại, không tính lãi suất.			
4.22	Vay và nợ dài hạn	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
	Vay và nợ dài hạn - VND	(a) 19.925.570.000	29.045.570.000
	Vay và nợ dài hạn - USD	(b) 177.954.276.188	172.502.619.688
		197.879.846.188	201.548.189.688



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

- (a) Vay Ngân hàng phát triển Việt Nam – Sở Giao dịch II theo hợp đồng tín dụng số 45/HĐ-TĐDP ngày 12 tháng 4 năm 2004 và phụ lục hợp đồng số 16/PLHĐ/TĐDP-2006 ngày 12 tháng 6 năm 2006, lãi suất vay 3% /năm, thời hạn vay là 10 năm (từ ngày 12 tháng 4 năm 2004 đến 12 tháng 4 năm 2014), mức trả nợ gốc mỗi năm là 9.120.000.000 VND. Khoản vay này được sử dụng để đóng mới tàu Sài Gòn Queen, và được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.
- (b) Vay Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn (VIB) theo hợp đồng tín dụng số 0002/HĐTD2- VIB625/08 ngày 11 tháng 1 năm 2008, và phụ lục hợp đồng số 0002.1/PLHĐ2- VIB625/08 ngày 23 tháng 06 năm 2008, 0002.2/PLHĐ2- VIB625/08 ngày 04 tháng 08 năm 2008, 0002.3/PLHĐ2- VIB625/08 ngày 11 tháng 08 năm 2008, 0002.4/PLHĐ2- VIB625/08 ngày 19 tháng 05 năm 2009, thời hạn vay là 144 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên, thời gian ân hạn gốc là 24 tháng, lãi suất bằng lãi suất tại thời điểm giải ngân, điều chỉnh 6 tháng/lần theo từng khế ước nhận nợ, bằng lãi suất điều chuyển vốn kinh doanh 06 tháng USD của VIB +2,2%/năm và chịu sự điều chỉnh theo chính sách lãi suất của VIB tại từng thời kỳ. Khoản vay này được sử dụng để đầu tư đóng mới tàu Sài Gòn Princess, và được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, số dư khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn có gốc ngoại tệ được chi tiết như sau:

	Gốc nguyên tệ (USD)	Tương đương (VND)
Vay dài hạn đến hạn trả	120.000,00	2.499.360.000
Vay dài hạn (*)	8.543.996,00	177.954.276.188
	8.663.996,00	180.453.636.188

(*) Công ty và ngân hàng VIB chưa thống nhất lịch trả nợ cụ thể cho các năm sau.

4.23 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, chi tiết phát sinh như sau:

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Số dư đầu kỳ	6.076.661.668	4.025.332.273
Phát sinh trong kỳ	2.051.329.395	2.051.329.395
Số dư cuối kỳ	8.127.991.063	6.076.661.668

4.24 Vốn chủ sở hữu (“CSH”)

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	144.200.000.000	11.436.551.000	13.590.599.950	1.309.606.047	(13.043.788.680)	157.492.968.317
Lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	(27.928.001.095)	(27.928.001.095)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(600.000.000)	(600.000.000)
Tăng khác	-	-	-	-	3.618.000	3.618.000
Số dư cuối năm trước	144.200.000.000	11.436.551.000	13.590.599.950	1.309.606.047	(41.568.171.775)	128.968.585.222
Số dư đầu năm nay	144.200.000.000	11.436.551.000	13.590.599.950	1.309.606.047	(41.568.171.775)	128.968.585.222
Lợi nhuận năm nay	-	-	-	-	(15.044.514.693)	(15.044.514.693)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(200.000.000)	(200.000.000)
Thù lao HĐQT và BKS	-	-	-	-	(274.000.000)	(274.000.000)
Số dư cuối kỳ	144.200.000.000	11.436.551.000	13.590.599.950	1.309.606.047	(57.086.686.468)	113.450.070.529

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN
 9 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Cổ phiếu

	31/12/2012	01/01/2012
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.420.000	14.420.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	14.420.000	14.420.000
- Cổ phiếu phổ thông	14.420.000	14.420.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.420.000	14.420.000
- Cổ phiếu phổ thông	14.420.000	14.420.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phiếu.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Doanh thu

	2012	2011
	VND	VND
Doanh thu khai thác tàu biển	106.841.532.144	96.628.609.677
Doanh thu dịch vụ hàng hải	15.705.855.677	24.585.781.477
Doanh thu dịch vụ vận tải nội địa	18.896.325.723	9.605.088.469
Doanh thu dịch vụ kho vận	13.740.191.936	12.942.398.255
Doanh thu cho thuê văn phòng	2.474.019.605	2.212.040.746
Doanh thu cho thuê thuyền viên	198.000.000	233.753.227
Doanh thu khác	937.182	-
	157.856.862.267	146.207.671.851
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	157.856.862.267	146.207.671.851

5.2 Giá vốn hàng bán

	2012	2011
	VND	VND
Giá vốn khai thác tàu biển	116.239.327.548	97.913.986.161
Giá vốn dịch vụ hàng hải	11.957.675.595	23.135.902.096
Giá vốn dịch vụ vận tải nội địa	22.561.793.355	10.943.383.151
Giá vốn dịch vụ kho vận	5.719.686.382	5.936.654.648
Giá vốn cho thuê thuyền viên	184.000.000	201.240.000
	156.662.482.880	138.131.166.056

5.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	2012	2011
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	26.429.654	47.507.826
Cổ tức, lợi nhuận được chia	10.062.814.552	6.213.784.150
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	171.068.627	511.866.646
	10.260.312.833	6.773.158.622

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIÊN SÀI GÒN
 9 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

5.4 Chi phí tài chính

	2012 VND	2011 VND
Chi phí lãi vay	16.664.209.610	15.718.771.480
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	118.039.550	629.088.900
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	86.484.790	16.889.222.089
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	345.718.620	491.909.503
	<u>17.214.452.570</u>	<u>33.728.991.972</u>

5.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2012 VND	2011 VND
Chi phí nhân viên	3.127.150.430	4.336.777.584
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	232.290.819	247.302.503
Chi phí khấu hao tài sản cố định	392.298.595	427.855.966
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.968.217.711	1.341.776.432
Chi phí khác	1.181.176.544	475.672.468
	<u>6.901.134.099</u>	<u>6.829.384.953</u>

5.6 Thu nhập khác

	2012 VND	2011 VND
Thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	2.400.000	687.272.727
Thu tiền bồi thường	299.500.000	-
Các khoản khác	11.612.061	230.986.652
	<u>313.512.061</u>	<u>918.259.379</u>

5.7 Chi phí khác

	2012 VND	2011 VND
Giá trị còn lại tài sản cố định thanh lý	-	173.937.474
Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản	-	19.909.635
Trợ cấp thôi việc cho người lao động	78.925.000	698.497.003
Các khoản khác	566.877.910	193.874.459
	<u>645.802.910</u>	<u>1.086.218.571</u>

5.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không trình bày chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 "Lãi trên cổ phiếu" yêu cầu trường hợp doanh nghiệp phải lập cả báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIÊN SÀI GÒN
 9 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

5.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	2012 VND	2011 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	57.673.257.634	50.499.425.038
Chi phí nhân công	16.647.413.680	18.943.290.690
Chi phí khấu hao tài sản cố định	18.060.014.798	18.633.272.396
Chi phí dịch vụ mua ngoài	63.525.441.884	50.147.268.839
Chi phí khác	7.657.488.983	6.737.294.046
	163.563.616.979	144.960.551.009

6. THÔNG TIN BỘ PHẬN

Thông tin bộ phận chính yếu được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh (chi tiết xem 5.1 và 5.2).

Công ty không thực hiện theo dõi các thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

7. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

7.1. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty.

Các công cụ tài chính bao gồm:

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, công cụ vốn chủ sở hữu của đơn vị khác phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty.

Bảng sau đây thể hiện tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty:

	Giá trị ghi sổ				VND	
	31 tháng 12 năm 2012		31 tháng 12 năm 2011		31 tháng 12 năm 2012	31 tháng 12 năm 2011
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	960.419.732	-	2.368.388.143	-	960.419.732	2.368.388.143
Phải thu khách hàng và phải thu khác	17.170.058.981	(7.456.341.104)	16.524.215.921	(7.456.341.104)	9.713.717.877	9.067.874.817
Đầu tư tài chính	592.722.765	-	200.000.000	-	592.722.765	200.000.000
	18.723.201.478	(7.456.341.104)	18.504.110.861	(7.456.341.104)	11.266.860.374	11.636.262.960

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN

9 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	31 tháng 12 năm 2012		31 tháng 12 năm 2011		31 tháng 12 năm 2012	31 tháng 12 năm 2011
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Nợ phải trả tài chính						
Các khoản vay	215.379.206.188	-	224.248.813.688	-	215.379.206.188	224.248.813.688
Phải trả người bán	21.609.640.655	-	18.700.553.159	-	21.609.640.655	18.700.553.159
Chi phí phải trả và phải trả khác	31.032.709.899	-	23.479.813.471	-	31.032.709.899	23.479.813.471
	268.021.556.742		266.429.180.318		268.021.556.742	266.429.180.318

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2011. Tuy nhiên Ban Giám đốc ước tính giá trị hợp lý của những tài sản và nợ phải trả tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

8. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

Trong năm tài chính có phát sinh nghiệp vụ chủ yếu với các bên có liên quan như sau:

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND
Tổng công ty Cơ khí giao thông vận tải Sài Gòn	Vay	2.600.000.000
	Trả nợ vay	2.000.000.000
	Doanh thu Cung cấp dịch vụ	796.284.539
Công ty TNHH Korea Express Logistics	Doanh thu cho thuê văn phòng, kho bãi	1.162.601.800
	Doanh thu dịch vụ giao nhận	6.016.304.352
Công ty Liên doanh APM-Saigon Shipping Company Ltd.	Góp vốn	4.998.720.000
Công ty TNHH liên doanh Giao nhận kho vận Bình Minh	Doanh thu cho thuê văn phòng, kho bãi	3.933.454.946
	Doanh thu dịch vụ giao nhận	848.112.214

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, số dư các khoản phải thu/(phải trả) với các bên có liên quan như sau:

Công ty liên quan	Nội dung	Phải thu/ (Phải trả) VND
Tổng công ty Cơ khí giao thông vận tải Sài Gòn	Phải trả nợ vay	(3.600.000.000)
	Phải trả lãi vay	(556.505.544)
	Phải trả cổ phần hóa	(3.197.058.734)
	Phải thu phí dịch vụ	322.209.566
Công ty cổ phần Saigonship Đà Nẵng	Phải trả phí dịch vụ	(229.770.378)
Công ty TNHH Korea Express Logistics	Phải thu phí dịch vụ	838.653.967
Công ty TNHH liên doanh Giao nhận kho vận Bình Minh	Phải thu phí dịch vụ	42.851.675

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN

9 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong năm như sau:

	2012 VND	2011 VND
Tiền lương	1.424.967.273	1.692.551.547
Phụ cấp	141.000.000	58.200.000
	<u>1.565.967.273</u>	<u>1.750.751.547</u>

9. THÔNG TIN KHÁC

9.1. Tiền thuê đất

Công ty đang sử dụng khu đất tại số 09 Nguyễn Công Trứ, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, diện tích 574 m², trên cơ sở Quyết định số 3501/QĐ-UB ngày 26 tháng 8 năm 2002 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Cho đến nay, Công ty chưa có hợp đồng thuê đất, nên chưa ước tính được tiền thuê đất phải trả cho việc sử dụng khu đất này.

9.2. Các khoản cam kết


Nghị quyết Hội đồng quản trị ngày 5 tháng 7 năm 2007 đã thông qua việc Công ty sẽ chịu một phần trách nhiệm trong việc thanh toán các khoản nợ của Công ty liên doanh vận tải thủy Sea Saigon khi tiến hành giải thể Công ty này. Theo đó, Công ty cổ phần vận tải biển Sài Gòn sẽ chịu trách nhiệm thanh toán các khoản thuế của Công ty liên doanh vận tải thủy Sea Saigon phát sinh trong giai đoạn từ năm 2003 đến năm 2006 theo tỷ lệ góp vốn là 51%, tương ứng với số tiền là 1.178.668.079 đồng (theo quyết định số 89/CT-KTNB ngày 04 tháng 7 năm 2011 của Cục thuế thành phố Hồ Chí Minh).

9.3. Giả định về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính đính kèm được lập trên giả thuyết rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có khoản nợ phải trả ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn 49.324.398.821 VND. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty cam kết có nguồn tài trợ tài chính thích hợp để trả nợ đến hạn và duy trì hoạt động liên tục trong 12 tháng tới.



NGÔ HỒNG VÂN
Phó phòng Tài chính Đầu tư



ĐỖ NGỌC LÂM
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2013